UBND PHƯỜNG TRẦN LIỄU
TRƯỜNG TIỂU HỌC HIỆP HÒA

Số: 218/BC-THHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

P. Trần Liễu, ngày 02 tháng 6 năm 2026

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM: 2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học Hiệp Hòa đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Hiệp Hòa, phường Trần Liễu, TP Hải Phòng.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chi hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục *(sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).*

Trụ sở chính: **Trường Tiểu học Hiệp Hòa, phường Trần Liễu, TP Hải Phòng**

Điện thoại: 0962166338

Website: https://thhiephoa-tranlieu.haiphong.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

Loại hình: Trường công lập

Cơ quan chủ quản: **UBND phường Trần Liễu, TP Hải Phòng.**

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Trường tiểu học Hiệp Hòa được tách ra và thành lập lại từ năm 1990. Năm học 2025-2026 trường có 20 lớp và 563 học sinh. Cơ sở vật chất của trường hiện nay gồm 20 phòng học kiên cố đủ để phục vụ giảng dạy 2 buổi/ngày và có các phòng làm việc, phòng chức năng.

Trong từng giai đoạn cụ thể, nhà trường luôn căn cứ vào mục tiêu đào tạo và nhu cầu phát triển của địa phương để đề ra kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ "Nâng cao dân trí, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài" cung cấp nguồn nhân lực cho địa phương.

Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang; đầy đủ phòng học, phòng chức năng; phòng bộ môn cơ bản đủ, có trang thiết bị đạt chuẩn; khu sân chơi, khu luyện tập TDTT đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Sở GD&ĐT thành phố Hải Phòng, UBND phường Trần Liễu, thầy và trò trường Tiểu học Hiệp Hòa không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong toàn phường.

Tháng 6 năm 2018 trường được công đạt chuẩn Quốc gia (lần thứ tư). Thư viện đạt chuẩn mức độ 2 *(Quyết định số 365/QĐ-PGD&ĐT ngày 14/6/2023 của phòng GD&ĐT thị xã)*. Trường Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và Trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2 vào tháng 11 năm 2021.

Năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023 tập thể nhà trường 02 năm liền được UBND Tỉnh công nhận Tập thể Lao động Xuất sắc; Năm học 2022-2023 được UBND tỉnh tặng cờ thi đua dành cho đơn vị hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm học; Năm học 2022-2023 đơn vị được nhận cờ thi đua của thủ Tướng Chính phủ. Tháng 7 năm 2024 trường được SGD-ĐT tỉnh Hải Dương tặng Giấy khen *"Đã có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng Trường Tiểu học tiêu biểu điển hình tỉnh Hải Dương, năm học 2022-2023";* Tháng 6 năm 2023 trường được UBND thị xã tặng Giấy khen *"Đã có thành tích tiêu biểu trong 10 thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa (XI) Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế";* Năm học 2023-2024 được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Tập thể Xuất sắc. Năm học 2024-2025 và 2025-2026 đạt danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến. Năm học 2024-2025 đực UBND thị xã tặng Giấy khen.

Trong giai đoạn phát triển công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đào tạo thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi nhà trường phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của phường, của thành phố.

Nhà trường xây dựng và thực hiện hiệu qủa Kế hoạch chiến lược của nhà trường giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến năm 2035. Vì vậy đòi hỏi Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường phải xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển để kế hoạch đạt kết quả cao, sẽ góp phần quan

trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường TH Hiệp Hòa được tách ra từ Trường PTCS Hiệp Hòa và thành lập lại từ tháng 8 năm 1990. Tháng 6 năm 2018 trường được công đạt chuẩn Quốc gia (lần thứ tư). Thư viện nhà trường đạt Thư viện Đạt chuẩn mức độ 2 năm 2023. Trường Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và Trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2 vào tháng 11 năm 2021.

Trường đóng trên địa bàn tổ dân phố An Bộ - phường Trần Liễu - TP Hải Phòng.

6. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, chính quyền, UBND phường Trần Liễu, đến nay nhà trường đã được đầu tư xây dựng CSVC khang trang, hiện đại. Đội ngũ thầy cô giáo đạt chuẩn về trình độ. Các thầy cô đều tâm huyết hăng say với công tác; chất lượng giáo dục toàn diện ngày một nâng lên, trường nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc, được nhận cờ thi đua của UBND tỉnh, cờ thi đua của Chính phủ năm học 2022-2023. Khuôn viên của của nhà trường được củng cố quy hoạch lại, đủ diện tích, phòng học, phòng học bộ môn, sân chơi, bãi tập, các công trình phụ trợ đảm bảo các điều kiện chuẩn về CSVC phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục.

Tiếp tục kế thừa, phát huy, từng bước thực hiện các mục tiêu Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2030, phấn đấu là một ngôi trường có chất lượng giáo dục bền vững của phường, góp phần tích cực nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho quê hương, đất nước.

7. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Ông: Lê Văn Phong

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: tổ dân phố An Bộ - phường Trần Liễu - TP Hải Phòng.

Số điện thoại: 0962.166.338

Gmail: *levanphongkm@gmail.com*

8. Tổ chức bộ máy

8.1. Quyết định sáp nhập

Trường tiểu học Hiệp Hòa được tách ra và thành lập lại từ năm 1990. Trường có 2 điểm trường, trụ sở chính đặt tại tổ dân phố An Bộ, phường Trần Liễu - TP Hải Phòng; 1 điểm lẻ đặt tại dân phố Đích Sơn, phường Trần Liễu - TP Hải Phòng *(cách điểm chính 02 km).*

8.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Quyết định bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Hiệp Hòa: Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo quản lý trường học Số 423/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của Chủ tịch UBND phường Trần Liễu

- Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Hiệp Hòa: Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo quản lý trường học Số 418/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của Chủ tịch UBND phường Trần Liễu

Có quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

9. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Nhà trường có xây dựng chiến lược phát triển, Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định hoạt động nội bộ, Quy chế thi đua, khen thưởng, Quy chế thực hiện công khai, Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản công trong nhà trường, Quy tắc ứng xử văn hóa của cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh; cùng nhiều kế hoạch theo hướng dẫn của các cấp.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO , CBQL VÀ NHÂN VIÊN

1. Biên chế giao năm 2026:

Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND phường Trần Liễu về việc tạm giao biên chế sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo Khối các trường Tiểu học phường Trần Liễu năm 2026.

Tổng số CB,GV,NV hiện có: 34, trong đó: CBQL: 02, giáo viên: 29 *(27 GV biên chế, 02 GV hợp đồng TA)*, nhân viên: 03. Chia theo vị trí việc làm cụ thể như sau:

1.1. Cán bộ quản lý:

Chức danh	Số lượng	Trình độ đào tạo			Trình độ chính trị				
		Thạc sĩ	ĐH QLGD	ĐHSP	Cao cấp	Cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp	Đảng viên
Hiệu trưởng	01	01	01	01			1		1
P.Hiệu trưởng	01			01			1		1

1.2. Giáo viên: Tỉ lệ GV/ lớp: 29/20, tỉ lệ 1,45

Chức danh	Số lượng	Trình độ SP			Trình độ chính trị			Đoàn thể	
		ĐH	CĐ	TrH	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Đảng	Đoàn
GV Văn hóa	23	23				01	18	19	03
GV Âm nhạc	01	01							
GV Mĩ Thuật	01	01					01	01	
GV Thể dục	01	01							02
GV Tiếng Anh	02	02							02
GV Tin học	01	01				01		01	
Tổng	**29**	**29**				**02**	**19**	**22**	**07**

1.3. Nhân viên

Chức danh	Số lượng	Trình độ VH			Trình độ đào tạo			Đoàn thể		
		C3	C2	C1	ĐH	CĐ	TrH	CĐV	Đoàn	Đảng

Kế toán	1	1			1			1		1
TV-TB	1	1			1			1		
VT	1	1				1		1		
Bảo vệ	2		2					2		
Tổng	**05**	**03**	**02**	**0**	**02**	**01**		**05**		**01**

1.4. Số lượng, tỷ lệ GV, CBQL, NV đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

Chức danh	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	01	0	0	0	0	01
Phó HT	01	0	0	0	1	0
Giáo viên	29	23	0	0	29	0
Nhân viên	3	3	0	0	3	0
Tổng	**34**	**26**	**0**	**01**	**33**	**01**

1.5. Số lượng giáo viên, CBQL, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 100% CBQL,GV,NV tham gia bồi dưỡng thường xuyên theo hướng dẫn

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất

Tên phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Tên phòng	Số lượng	Diện tích (m2)
1. Khối phòng hành chính, quản trị			**2. Khối phòng học tập**		
Phòng HT	01	36	Phòng học VH	20	1080
Phòng PHT	01	27	Phòng Tin học (18 máy tính)	01	54
			Phòng KHCN	01	54
Phòng Bảo vệ	01	12	Phòng học Tiếng Anh	01	54
Lán xe giáo viên	01	133	Phòng Âm nhạc	01	54
Lán xe học sinh	01	221 (133+88)	Phòng Mỹ thuật	01	54
			Phòng nghệ thuật (Đ.Sơn)	01	54
Khu vệ sinh CBGV	02	40	Phòng đa chức năng	01	54
Phòng Đảng, đoàn thể	01	27	Văn phòng	01	54
3. Khối phòng hỗ trợ học tập			**4. Khối phụ trợ**		
Thư viện	02	54+50	Phòng Y tế	01	18
Phòng Thiết bị	01	54	Khu vệ sinh HS (An Bộ)	02	75+40
Phòng TV-TB (Đ.Sơn)	01	50	Khu vệ sinh (Đ.Sơn))	01	20
Phòng N.thuật (Đ.Sơn)	01	50	Phòng nghỉ GV	01	27
Tư vấn học đường, hỗ trợ HS KT- YT	01	27	Cổng, tường rào	Có	
			Phòng kho	01	22,4
Phòng Đoàn đội	01	27			
Phòng Truyền thống	01	37			

5. Khu sân chơi, thể dục thể thao			6. Khối phục vụ sinh hoạt		
Sân trường	03		Nhà bếp	0	
Bãi tập	02		Kho bếp	0	
Sân tập mái che	0		Khu nhà bán trú	0	
Nhà đa năng	01	736,96	Phòng quản lý học sinh	0	

- Tổng khuôn viên diện tích: 10 951,94m^2 *(An Bộ: 7320,7 m^2 ; Đích Sơn: 3631,24 m^2)*, (trong đó: sân chơi 2.000 m^2)

2. Trang thiết bị dạy học, điều hành giáo dục:

- Phòng T.Anh: 01 bảng tương tác; 01 máy chiếu hắt, amply, micro, 01 máy tính.
- Phòng Tin học: 01 ti vi 75In kết nối Internet; 18 máy tính kết nối mạng Internet.
- Phòng Âm nhạc: 01 ti vi 55In kết nối Interne, 07 chiếc đàn.
- Phòng Mỹ thuật: 01 ti vi 55 In kết nối Interne, 35 giá vẽ.
- Phòng đa chức năng: máy chiếu, ti vi 65In , amply, loa , micro.
- 01 Máy chiếu BenQ, modenl EX 600; 01 bộ loa kéo 01 bass 40 cm.
- 01 phòng học thông minh trị giá gần 900 triệu đồng.
- 30 Tivi: 05 Tivi 65in Samsung; 25 Tivi 55in Samsung
- Bộ đồ dùng dạy học: 4 bộ/20 lớp. *(Chưa có bộ đồ dùng khối 2,3,4)*
- Tổng bàn ghế: 02 chỗ ngồi: 365 (Bàn ghế bán trú: 190)
- Bảng lớp: 25
- Wifi: 33 (khu An Bộ: 27; Khu Đích Sơn: 06)
- Thư viện: 02 phòng (54m^2 + 50 m^2); Thư viện xanh: 63m^2; Phòng đọc Giáo viên: 28m^2, phòng thiết bị: 26m^2 ; 02 máy tính; 01 máy in; 01 loa vi tính.

* Trang thiết bị khối hành chính, quản trị : 04 máy để bàn, 04 máy tính xách tay, 06 máy in, Wifi, 01 Tivi Smsung 75 in, 02 bộ loa máy tính, 01 hệ thống camera, (01 tivi Sam sung 55 in, 16 mắt cam, 01 ổ cứng), 04 điều hòa, 08 quạt trần, 06 quạt treo tường…

Thư viện nhà trường có tổng số sách là 7.086 bản: Sách giáo khoa: 2 261 bản; Sách nghiệp vụ: 1.386 bản (Trung bình sách đạt 10 đến 15 bộ/khối lớp). Thư viện đảm bảo việc phục vụ cho mỗi cán bộ quản lý, giáo viên giảng dạy 01 bộ/giáo viên; Sách tham khảo: 1.670 bản (Trong đó Sách Pháp luật: 95 bản; Sách Đạo đức: 114 bản, Sách tra cứu: 80 bản); Sách thiếu nhi 1.769 bản (đạt 3,1 bản/hs). Năm học 2021 - 2022 nhà trường luôn duy trì thư viện đạt thư viện tiên tiến, từ năm 2022 – 2023 đến năm 2025 - 2026 thư viện đã được công nhận thư viện đạt tiêu chuẩn Mức độ 2 theo Quyết đinh số 365/QĐ-PGDĐT ngày 14 tháng 6 năm 2023 đánh giá theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông)

Số HS đăng ký ăn bán trú 390/565 đạt 69%. HS ăn nghỉ tại 11 phòng học với 195 bộ bàn ghế bán trú.

- Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải cơ bản bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường; Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường; Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường; Thu gom rác thải chuyển ra bãi rác hằng ngày; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường; Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành.

3. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. TT Môn học Bộ sách Lớp 1,2,3,4,5.

STT	Môn	Bộ sách				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Tiếng việt	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
2	Toán	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
3	TN và XH	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
4	Đạo đức	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
5	Âm nhạc	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
6	Mĩ thuật	CTST1	CTST1	CD	CTST 1	CTST
7	HĐTN	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
8	GD thể chất	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
9	Tiếng Anh	Victoria	Victoria	Giáo dục	Giáo dục	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Khoa học				Cánh diều	Cánh diều
11	Lịch sử và ĐL				Cánh diều	Cánh diều
12	Tin học			Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
13	Công nghệ			Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2000; công nhận lại lần I năm *2007 (Quyết định số 3032/QĐ-UBND ngày 23/8/2007 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia)*; công nhận lần II năm 2013 (*Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 17/5/2013 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia)*; công nhận lại lần III năm 2018 *(Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia).*

Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 năm 2021*(Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia)*; Trường Đạt kiểm định chất lượng GD cấp độ 3 *(Quyết định số 1298/QĐ-SGD-ĐT ngày 12/11/2021 của SGD-ĐT tỉnh Hải Dương).*

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Chia theo khối				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
a.	Kế hoạch tuyển sinh	- Học sinh hoàn thành chương trình GDMN, có giấy khai sinh hợp lệ, sinh năm 2019 (6 tuổi), các trường hợp quá tuổi, thiếu tuổi thực hiện theo Khoản 4 Điều 33 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT - Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định.	Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 27/2020/TT BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định: học bạ, giấy khai sinh, đơn xin chuyển trường, giấy giới thiệu.	Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 27/2020/TT BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định: học bạ, giấy khai sinh, đơn xin chuyển trường, giấy giới thiệu.	Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 27/2020/TT BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định: học bạ, giấy khai sinh, đơn xin chuyển trường, giấy giới thiệu.	Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 27/2020/TT BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định: học bạ, giấy khai sinh, đơn xin chuyển trường, giấy giới thiệu.
b	Kế hoạch giáo dục của nhà trường	- Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Thời gian học 35 tuần, Nghỉ lễ, tết theo quy định của nhà nước. -Thực hiện Kế hoạch số 338/KH-THHH ngày 03/9/2025 của Trường Tiểu học Hiệp Hòa về Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 ; Kế hoạch số 339/KH-THHH ngày 03/9/2025 của Trường Tiểu học Hiệp Hòa về Kế hoạch năm học 2025-2026; Kế hoạch số 340/KH-THHH ngày 04/9/2025 của Trường Tiểu học Hiệp Hòa về Kế hoạch hoạt động chuyên môn năm học 2025-2026;				
c	Quy	- Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ				

	chế phối hợp của nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh	trong việc theo dõi, giáo dục học sinh. Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện học sinh trường họp 2 lần /năm, lớp họp 1 lần/năm. Ban đại diện trường có 5 thành viên, ban đại diện lớp có 3 thành viên. - Nhà trường thường xuyên phối hợp với công an xã và các đoàn thể trong việc giáo dục đạo đức học sinh; tuyên truyền đến học sinh về tác hại của thuốc lá điện tử, các chất gây nghiện. Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động đúng điều lệ, kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường;thực hiện tốt cổng trường an toàn giao thông; các cam kết kí với nhà trường. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.	
d	Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh	- Cơ sở vật chất đủ đảm bảo cho tất cả các môn giảng dạy, đảm bảo đạt chuẩn Mức độ 2 theo TT 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 - Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, bảng, ánh sáng, quạt thoáng mát, ti vi, điều hòa … - Có đầy đủ các phòng học bộ môn. - Có tổ tư vấn tâm lý cho học sinh,	

2. Thông tin về kết quả năm học 2025-2026

2.1. Thông tin chung

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Kết quả tuyển sinh	113					
2	Tổng số HS	563	110	115	112	104	122
3	Số học sinh bình quân/lớp	28,25/20	27,75/4	28,75/4	38,25/4	26/4	30,5/4
4	Số học sinh nữ/số học sinh nam	255/310	51/60	52/63	54/59	49/55	49/73
5	Số học sinh dân tộc thiểu số	4	2	1	0	2	0

2.2. Kết quả hoạt động giáo dục HS.

*** Kết quả giáo dục.**

Khối	Sĩ số	ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC			
		Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
Khối 1	110	52	2	55	1
Khối 2	115	53	4	58	
Khối 3	112	53	10	49	

Khối 4	104	53	6	45	
Khối 5	122	56	3	63	
Tổng Số	**563**	**267**	**25**	**270**	**1**

*** Hoàn thành chương trình lớp học, CTTH: học Tiếng Anh, Tin học:**

- Hoàn thành chương trình lớp học: 440 em = 99.8%, CHTCTLH: 1 em = 0.2%
- Hoàn thành chương trình tiểu học: 122 em = 100%, CHTCTTH: 0 em = 0%
- Học sinh khối 3,4,5 được học Tiếng Anh 4 tiết/tuần:338/338 đạt 100%
- Học sinh khối 3,4,5 được học Tin học: 338/338 đạt 100%

*** Danh hiệu thi đua học sinh:**

- Học sinh xuất sắc: 267 em = 47.4%

*** Học sinh khuyết tật:**

- Hoàn thành chương trình lớp học: 2/2:

*** Kết quả học sinh tham gia các cuộc thị, giao lưu các cấp:**

Cấp thị phường: 247 giải *(114 Giải Nhất; 64 Giải Nhì; 48 Giải Ba;21 Giải KK)*

Cấp Thành phố: 256 giải *(108giải Vàng; 86Giải Bạc; 41Giải Đồng;21Giải KK);*

Cấp Quốc Gia: 72 giải *(11 giải Vàng; 23 Giải Bạc; 17 Giải Đồng; 21 giải KK)*

+ Giải các cuộc thi trực tiếp: Bóng đá mini cấp phường: Giải Nhì; Giải bơi HS tiểu học cấp phường: 01 Giải Nhất (dự thi thành phố); Vẽ tranh theo Bìa sách: 01 Giải Nhất cấp phường, 01 Giải Nhì cấp thành phố; Cờ vua cấp phường: 02 Giải Nhất, 02 Giả Ba; Thiếu nhi vẽ tranh:"Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường" cấp phường: 01 Giải Nhất, 02 Giải Ba, 02 Giải KK.

*** Bán trú ; Giáo dục bơi:**

- Học sinh ăn bán trú: Công tác bán trú được triển khai trong nhà trường với 355/565 học sinh tham gia; đạt tỷ lệ 62,5% *(Tăng 4,1%)*. Hồ sơ theo dõi, quản lý bán trú của nhà trường đầy đủ, rõ ràng, đúng qui định. Nhà trường tổ chức bán trú cho học sinh đảm bảo qui định an toàn vệ sinh thực phẩm và chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc; tổ chức khám sức khỏe cho 100% học sinh trong trường.

- Giáo dục bơi: Học sinh khối 3,4,5 được giáo dục bơi 338/338 đạt 100%. Học sinh biết bơi 314 HS (K1: 16; K2: 38; K3:86; K4: 94; K5: 80) đạt 55,2%.

2.3. Kết quả thi đua.

**** Chi bộ Đảng.***

- Năm 2025 Chi bộ hoàn thành Tốt nhiệm vụ.
- 05/24 Đảng viên HTSXNV ; 20/24 Đảng viên HTTHV.

**** Tập thể :*** Tập thể lao động Tiên tiến; Giấy khen của UBND phường.

**** Sáng kiến kinh nghiệm.***

- Tổng số có 34/34 CBGV viết, áp dụng SK đạt tỷ lệ 100%.
- Xếp loại cấp trường: 34 SK,
- Xếp loại cấp phường: 07 SK
- Đề nghị xét cấp thành phố: 01

**** Thi CBQL, GVG.***

- 01 đ/c đạt GVG cấp thành phố.

**** Đánh giá CBGVNV:***

* Viên chức giữ vị trí lãnh đạo: HT: HTTNV; PHT: HTXSNV

* Viên chức, người lao động không giữ chức vụ quản lý

- HTXSNV: 06 = 19%
- HTTNV: 26 = 81%
- HTNV: 0

**** Danh hiệu thi đua.***

- Chiến sĩ thi đua Thành phố: 01 đ/c Phong *(đề nghị)*
- Bằng khen của CTUBND thành phố : 01 đ/c Trang *(đề nghị)*
- CSTĐCS đối với CBGL: 02
- CSTĐCS đối với GV, NV: 05 đ/c:An, Trang, Mơ, Nguyệt, Ng. Hương.
- LĐTT: 26 đ/c.
- Giấy khen của Chủ tịch UBND phường: 07 đ/c

**** Đánh giá chuẩn HT (đề nghị)***

- Xếp loại Tốt: 01 đ/c; Xếp loại Khá: 0 đ/c;

**** Đánh giá chuẩn nghề nghiệp PHT, GVTH.***

- Xếp loại Tốt: 31 đ/c; Xếp loại Khá: 0 đ/c;

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Báo cáo tháng 6 năm 2026

1.1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kế năm báo cáo
1	Niên độ hoạt động trung bình 3 năm		
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		

1.2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kế năm báo cáo
A	**TỔNG THU HOẠT ĐỘNG**	**9.107.000.000**	**8.574.500.000**
I	**Hỗ trợ chi thường xuyên từ nhà nước/nhà đầu tư**	**9.107.000.000**	**8.574.500.000**
II	**Thu giáo dục và đào tạo**		
1	Học phí, lệ phí từ người học		
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	**Thu khoa học và công nghệ**		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		

IV	**Thu khác(thu nhập ròng)**		
B	**TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG**	**4.272.088.778**	**8.574.500.000**
I	**Chi lương và thu nhập**	4.078.346.486	**8.062.491.752**
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	4.078.346.486	8.062.491.752
2	Chi lương, thu nhập của cán bộ khác		
II	**Chi cơ sở vật chất và dịch vụ**	**144.255.872**	**354.567.984**
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	144.255.872	354.567.984
III	**Chi hỗ trợ người học**		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
1	Chi hoạt động nghiên cứu		
1	Chi hoạt động khác		
IV	**Chi khác**	**49.486.420**	**157.440.264**
C	**CHÊNH LỆCH THU CHI**	**4.934.911.222**	**-**

2. Kế hoạch các khoản thu góp của học sinh năm học: 2025-2026.

STT	Nội dung thu (chi)			Mức thu	Thời điểm thu
1	Bắt buộc	Học phí		Không có	
		Xe đạp		10.000đ/xe/tháng	Cuối năm học
		BHYT	HS lớp 1: 15 tháng	789.750 đồng/hs	Thu vào T9/2025
			HS lớp 1: 14 tháng	737.100 đồng/hs	Thu vào T9/2025
			HS lớp 1: 13 tháng	684.450 đồng/hs	Thu vào T9/2025
			HS lớp 1: 12 tháng	631.800 đồng/hs	Thu vào T9/2025
			HS lớp 2,3,4,5: 12 tháng	631.800 đồng/hs	Thu vào T11/2025
2	Thu hộ, phục vụ trực tiếp cho học sinh	Ăn bán trú		23.000 đồng/suất	Thu vào 10 ngày đầu tháng liền kế
		Phụ phí		7.000 đồng/buổi	Thu vào 10 ngày đầu tháng liền kế
		Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn, phục vụ cá nhân cho trẻ ăn lần đầu		200.000 đồng/hs (Từ thời điểm ăn bán trú đến hết khóa học)	Thu tháng 09/2025
		Tiền điện điều hòa		Đối với lớp dùng điều hòa: dự kiến tạm thu: 70.000 đ/hs/năm học	Thu tháng 09/2025
		Tiền vệ sinh sân trường, lớp học, nhà vệ sinh.		30.000 đồng/hs/tháng	Kỳ I thu vào T9/2025 Kỳ II thu vào T1/2026
		Tiền vệ sinh sân trường, lớp học,		30.000	Thu tháng 01/2026

		nhà vệ sinh kỳ II		đồng/hs/tháng	
3	Tự nguyện	BHTT	Học sinh	200.000 đ/hs/năm	Thu vào T 09/2025
			Giáo viên	300.000 đ/gv/năm	Thu vào T 09/2025
			Thân nhân	300.000 đ/người/năm	Thu vào T 09/2025
		Nước uống tinh khiết		7.000 đồng/hs/tháng	Thu vào T 12/2025
		Học kỹ năng sống		12.000 đồng/tiết	Kỳ I thu vào T12/2025 Kỳ II thu vào T5/2026
		Vận động tài trợ		Vận động 125.000.000 đồng	Ủng hộ vào T 10/2025

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Không

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù *(nếu có):* Không

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác tổ chức, chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm khác

- Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi đua của các cấp, nhà trường đã tổ chức triển khai đến các tổ chuyên môn, tổ Công đoàn. Đã cụ thể hoá các văn bản thi đua của trường, lồng ghép các cuộc vận động, xây dựng quy chế thi đua nội bộ phù hợp đặc điểm của trường, xây dựng kế hoạch và tổ chức các nội dung thi đua theo đúng kế hoạch.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3,4,5, nhà trường chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với HS theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương (đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và lớp 5 theo tài liệu giáo dục địa phương đã được phê duyệt) tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH; Công văn số 1083/SGDĐT-GDTH [1]; triển khai thực hiện tổ chức dạy học mạch nội dung giáo dục "Địa phương em" phù hợp với thực tiễn của địa phương và phải được thực hiện trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và SGK được lựa chọn đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4.

[1] Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học; Công văn số 1083/SGDĐT-GDTH ngày 13/8/2021 V/v Hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học từ năm học 2021-2022.

- Chủ động phương án tổ chức thực hiện giáo dục STEM tiếp cận theo yêu cầu trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018[2], cụ thể như sau:

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"[3] phù hợp với kế hoạch, đề án triển khai thực hiện tại địa phương.

- Xây dựng, công khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông về đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tổ chức triển khai sách giáo khoa hiệu quả. Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lí các vấn đề truyền thông tại địa phương; nâng cao việc phân tích và xử lí thông tin để đáp ứng yêu cầu truyền thông của ngành; đẩy mạnh truyền thông về nội dung, giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Trong năm học tập thể nhà trường tích cực hưởng ứng, thực hiện các các cuộc vận động và các phong trào thi đua cụ thể:

+ Thực hiện tốt cuộc vận động: "Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; "Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và tự sáng tạo".

+ Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "dân chủ - kỉ cương - tình thương - trách nhiệm". 100% cán bộ giáo viên, nhân viên, đoàn viên công đoàn trongtrường thực hiện tốt nội quy định của nhà trường, không có vi phạm.

+ Bám sát kế hoạch cuộc vận động "Hai không" để chỉ đạo trong từng tuần, tháng thông qua việc phụ đạo học sinh yếu, cho điểm, kiểm tra đánh giá học sinh, đặc biệt các đợt kiểm tra định kỳ.

+ Thực hiện tốt cuộc vận động "dân chủ hoá trường học", nội bộ CBGVNV không có đơn thư khiếu kiện, mọi vướng mắc đều được giải quyết kịp thời tại cơ sở. Cơ quan là một đơn vị đoàn kết.

+ Phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" tiếp tục được thực hiện sâu rộng, sáng tạo trong các hoạt động. Cảnh quan nhà trường ngày càng khang trang, sạch đẹp và điều kiện CSVC được cải thiện,

---

[2]Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học. Công văn 415….

[3] Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".

+ Các đồng chí cán bộ giáo viên nhân viên tích cực ủng hộ từ thiện nhân đạo, tích cực tham gia Ngày hội hiến máu nhân đạo.

2. Thời điểm công khai

- Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ tháng 6/2026. Riêng dự toán thu chi tài chính 2026 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách năm 2026.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới *(tháng 9 hằng năm)* hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng địa phương trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết. Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Trên đây là báo cáo thường niên công tác công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Trường Tiểu học Hiệp Hòa.

Nơi nhận:
- https://edoc.smas.edu.vn
- Lưu: Hồ sơ công khai.

HIỆU TRƯỞNG

TRẦN LIỄU T.P HẢI PHÒNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HIỆP HÒA

Lê Văn Phong